

Bản án số: 04/2020/HS-PT
Ngày 14 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền; ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuận - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 140/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Bùi Văn T. S ngày 08/10/1982 tại xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm B, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm muối; Đảng, đoàn thể: không. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn C - S năm: 1954 (đã mất) và bà Đào Thị T - S năm: 1954; anh chị em ruột: có 03 người, bị can là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Bùi Thị T, S năm 1988; con có 04 đứa con (đứa lớn tuổi nhất S năm 2007 đứa nhỏ tuổi nhất S năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Bị can bị Cơ quan C sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tạm giữ và tạm giam từ 30/11/2018 đến ngày 31/01/2019 thì thay thế biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Có mặt

2. Bùi Thị C. S ngày 03/4/1991 tại xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm N, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An. Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Làm muối; Đảng, đoàn thể: không. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn T - S năm: 1964 (đã mất) và bà Phan Thị N - S năm: 1968; anh chị em ruột: có 07 người, bị can là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Hoàng Văn V, S năm 1988; con có 04 đứa con (đứa lớn tuổi nhất S năm 2009 đứa nhỏ tuổi nhất S năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Bị can bị Cơ quan C sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tạm giữ và tạm giam từ 30/11/2018 đến ngày 31/01/2019 thì thay thế biện pháp cho gia đình bảo

lĩnh. Có mặt.

- *Bị cáo không kháng cáo:* Ngô Đức Đ, S năm 1989; địa chỉ: Xóm Thịnh Thành, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An

- *Người bị hại không kháng cáo:* Anh Trần Hậu T; Chị Nguyễn Thị L; chị Chu Thị N

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo: Anh Hoàng Văn V; anh Đào Văn H; anh Bùi Văn T; anh Lê Văn H; anh Nguyễn Văn S; anh Bùi Sỹ Lý.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với thủ đoạn giả danh nhân viên tập đoàn thương mại Vincom đi tiếp thị trưng bày sản phẩm, trong các ngày 04/6/2018 và ngày 23/9/2018 các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C và Ngô Đức Đ đều trú tại xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An thuê xe ô tô đi vào huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đưa ra các thông tin gian dối về việc hưởng các chính sách ưu đãi của Công ty Vincom trong quá trình trưng bày sản phẩm để chiếm đoạt tài sản của gia đình anh Trần Hậu T ở xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và của chị Chu Thị N ở xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Về hành vi phạm tội của Bùi Văn T và Bùi Thị C:

Lần thứ nhất: Vào chiều ngày 03/6/2018, Bùi Văn T sử dụng điện thoại nhãn hiệu nokia có gắn số thuê bao 0967096108 gọi vào số thuê bao 0964168621 của Bùi Thị C với nội dung “ngày mai đi K anh em ta bán hàng ít ngày đi”, C hỏi lại T là đi với ai thì T nói đi với Đào Văn H, C nói lại với T là “*em đàn bà con gái đi với anh ít ngày thì người ta lại nói bồ bịch, có cho anh V đi cùng không?*”, T trả lời “*mày rủ thằng V đi thì đi*”, C và T thống nhất với nhau là sáng ngày 04/6/2018 sẽ xuất phát. Sau khi nói chuyện với T xong, Bùi Thị C gọi điện thoại cho Lê Văn H (S năm 1982) trú tại xóm N, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An và Bùi Văn T (S năm 1988) trú tại xóm N, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An để thuê H và T chở đi bán hàng với thỏa thuận là tiền thuê xe một ngày 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) được H và T đồng ý. Tối ngày 03/6/2018, Bùi Thị C nói chuyện với chồng là Hoàng Văn V (S năm 1988) là “*mai em đi bán hàng mà một mình em là con gái anh đi cùng cho vui*” thì V đồng ý. Khoảng 06 giờ sáng ngày 04/06/2018, Bùi Thị C cùng Hoàng Văn V, Bùi Văn T, Lê Văn Hoà, Đào Văn H, Bùi Văn T xuất phát từ ngã ba K, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37D-024.53 chở Bùi Thị C và Hoàng Văn V, còn H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA morning màu vàng cát, biển kiểm soát 37A-383.95 chở T và H. Trên đường đi C nói với T và H chở vào chợ V để lấy hàng, khi đến chợ V thì C xuống xe và một mình đi vào chợ V lấy 12 thùng dầu gội, 12 bao băng vệ S Diana, 02 thùng bàn chải, 40 hộp dao lam với tổng số tiền là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng) và bốc số hàng này lên hai xe. Sau đó cả bọn tiếp tục đi theo đường Quốc lộ 1A đi vào Hà Tĩnh, khi đến thị xã Hồng Lĩnh thì T và C đổi chỗ cho nhau, T sang xe do T điều khiển, còn C sang xe do H điều khiển. Trên đường đi C gọi điện thoại cho T thống nhất

riêng với nhau sẽ giả danh nhân viên tập đoàn thương mại Vincom để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chủ quán tạp hóa trên địa bàn huyện K. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, cả nhóm đi đến quán tạp hóa của anh Trần Hậu T tại xóm Phú Tân, xã Kỳ Phú, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, C chủ động vào quán bắt chuyện với anh T và tự giới thiệu mình là nhân viên tiếp thị sản phẩm, chuyên đi cung cấp hàng của công ty Vincom. C đưa thông tin về việc hiện nay Công ty Vincom đang có chương trình cho các hộ kinh doanh tạp hóa ký hợp đồng trưng bày sản phẩm gồm dao lam, băng vệ S, dầu gội và bàn chải đánh răng của công ty. Sau đó Bùi Văn T đi vào tự xưng là giám sát nhân viên của Công ty Vincom. T và C phối hợp với nhau đưa ra các thông tin giả về việc nếu chấp nhận ký hợp đồng trưng bày sản phẩm cho công ty thì anh T sẽ được hưởng hưởng lượng ưu đãi hàng tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), chiết khấu 3% trên tổng giá trị sản phẩm nhận trưng bày. Công ty sẽ cung cấp kệ đặt hàng, tủ lạnh cho quán tạp hóa để bán hàng. Các mặt hàng sau khi nhận trưng bày không bán được công ty sẽ cho đổi trả bằng thẻ điện thoại và các mặt hàng tạp hóa khác theo chu kỳ 2 lần 1 tuần vào thứ 3 và thứ 6. Để được ký hợp đồng trưng bày sản phẩm thì anh T phải đặt số tiền tương ứng với giá trị các mặt hàng sẽ nhận trưng bày là 41.456.000đ (bốn mươi một triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng)”. Khi nghe C và T trao đổi như vậy thì anh T đồng ý. Ngay sau đó T và C để lại số hàng hóa gồm 12 thùng các tông dầu gội đầu, 12 bịch băng vệ S diana, 40 hộp dao lam, 02 thùng bàn chải đánh răng với danh nghĩa là hàng trưng bày tại quán của anh T, lúc này vì không có sẵn tiền mặt nên chị Nguyễn Thị L là vợ của anh T đi đến cây ATM trước cửa T tâm Phú Toàn Plaza tại thôn X, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để rút tiền, chị L đi ra xe của H chở chị L và C, H đi rút tiền, sau khi nhận đủ 41.500.000đ (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) từ chị L thì C có đưa lại cho chị L 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) để đi tắc xi về nhà, còn C lên xe của H chạy về Nghệ An. Sau khi về đến Diễn K, thì C trừ đi tiền mua hàng và trả tiền thuê xe cho anh T 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) và anh H 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), cho anh V 2.000.000đ (Hai triệu đồng), số tiền còn lại C và T chia nhau mỗi người được 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Lần thứ 2: Chiều ngày 22/9/2018 Bùi Thị C gọi điện thoại rủ Bùi Văn T vào huyện K để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn tương tự vụ thứ nhất thì T đồng ý. Vào sáng ngày 23/9/2018, trên đường chở con đi học thì C gặp T và rủ T đi bán hàng như lần trước thì T đồng ý, sau đó T thuê T chở C và T đi vào chợ V lấy hàng, khi vào đến chợ V thì C cũng xuống xe và một mình đi vào chợ V mua 02 thùng bàn chải đánh răng, 02 thùng dầu gội, 02 bao băng vệ S với giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng) rồi bốc lên xe và đi vào K. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì đi đến địa phận xã Kỳ Đồng, huyện K, C nhìn thấy quán tạp hoá của chị Chu Thị N (S năm 1987) trú tại xóm 8, xã K, huyện K nên dừng xe lại, lúc này C xuống xe đi vào quán còn T bung hàng đi vào. Khi vào, C giới thiệu là nhân viên tiếp thị bán hàng tạp hoá cho Công ty Vincom có trụ sở ở thành phố Hà Tĩnh. C đưa ra một bảng giá phô tô các mặt hàng như giới thiệu có giá rẻ hơn thị trường để làm tin đồng thời C giới thiệu T là nhân viên đi cùng và nói “hiện nay công ty đang có chương trình khuyến mãi trưng bày các mặt hàng gồm 04 mặt hàng: dầu gội, băng vệ S, dao cạo râu, bàn chải đánh răng, mỗi tháng công ty sẽ trả tiền trưng bày mấy trăm ngàn đồng. Nếu chị trưng bày mà không bán được sẽ cho đổi các mặt

hàng khác như mì tôm, thẻ điện thoại”. Sau khi nghe C nói thì chị N vẫn chưa đồng ý nên T nói lại như những gì C vừa nói, khi nghe T nói thì chị N đồng ý trưng bày hàng và tham gia suất gồm 02 thùng bàn chải, 02 thùng dầu gội, 02 thùng Băng vệ S với số tiền 11.950.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Sau khi nhận tiền của chị N thì C và T lên xe về Nghệ An, khi về đến nhà C trừ số tiền mua hàng hết 6.000.000đ (sáu triệu đồng), trừ tiền ăn uống, đi lại, còn lại thì C và T chia nhau mỗi người được 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về hành vi phạm tội của Ngô Đức Đ: Khoảng 9 giờ sáng ngày 04/6/2018, Ngô Đức Đ đến nhà của Nguyễn Văn S (S năm 1994) ở xóm T, xã Diễn K, huyện D, tỉnh Nghệ An, để hỏi S là “anh có chạy xe không, em thuê anh chở đi giao hàng ở trong Hà Tĩnh” thì S đồng ý, Đ hẹn anh S khoảng 30 phút sau đến nhà chờ Đ, đến 09 giờ 30 phút, thì S điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37D-009.84 đến nhà Đ, Đ bốc 12 bịch băng vệ S, 70 hộp dao lam, 04 thùng bàn chải (số hàng này Đ mua tại chợ V với giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng) từ trước lên xe của S sau đó cả hai đi vào địa bàn huyện K. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, S chở Đ đi đến quán tạp hóa của anh Trần Hậu T tại xóm Phú Tân, xã Kỳ Phú, huyện K. Khi vào quán, Đ quan sát thấy số hàng tạp hóa của Bùi Thị C và Bùi Văn T để lại tại quán của anh T nên Đ bảo anh T đưa hóa đơn của các mặt hàng này cho Đ xem. Sau khi xem hóa đơn thì Đ biết anh T đã bị lừa nên Đ liền giới thiệu với anh T mình là giám sát toàn quyền của Công ty Vincom. Sau đó Đ đưa ra thông tin giả là Công ty Vincom đang có chương trình cho các hộ kinh doanh tạp hóa ký hợp đồng trưng bày sản phẩm gồm dao lam, bàn chải đánh răng của công ty, nếu anh T chấp nhận ký hợp đồng trưng bày sản phẩm cho công ty thì anh T sẽ được hưởng hưởng lượng ưu đãi hàng tháng là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng); Được chiết khấu 5% số tiền trên tổng giá trị sản phẩm nhận trưng bày; Công ty sẽ cung cấp kệ đặt hàng, tủ lạnh cho quán tạp hóa để bán hàng; Các mặt hàng sau khi nhận trưng bày không bán được công ty sẽ cho đổi trả bằng thẻ điện thoại và các mặt hàng tạp hóa khác theo chu kỳ 2 lần 1 tuần vào thứ 3 và thứ 6. Tuy nhiên, để được ký hợp đồng trưng bày sản phẩm anh T phải chứng minh năng lực tài chính bằng cách đặt số tiền tương ứng với giá trị các mặt hàng nhận trưng bày là 42.500.000đ (bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi nghe Đ nói thì anh T tin tưởng và đồng ý ký hợp đồng trưng bày sản phẩm NH do không có sẵn tiền mặt trong nhà nên anh T bảo vợ là chị Nguyễn Thị Lương ra tiệm vàng bán vàng lấy tiền về đưa cho Đ, thấy vậy Đ liền bảo anh T cứ ký gửi vàng cho Đ rồi ngày mai Đ vào đưa lại vàng cho anh T để đổi lấy tiền mặt, nghe vậy anh T liền đưa cho Đ 02 dây chuyền vàng và 06 nhẫn vàng tổng 6,5 chỉ (loại vàng bốn số 9999) quy đổi ra tiền mặt là 21.450.000đ (hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó Đ để lại số hàng tạp hóa tại quán của anh T và cầm toàn bộ số vàng rồi đi ra xe của S đi về. Khi về đến xã D, huyện D, Đ mang toàn bộ số vàng trên bán cho tiệm vàng N tại xóm 7, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An được 21.450.000đ (hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), Đ trả cho Nguyễn Văn S 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền thuê xe chở đi, còn lại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) Đ sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Với hành vi trên, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Các Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điểm a, b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 106; Điều 331, Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C, Ngô Đức Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T và Bùi Thị C, mỗi bị cáo phải chịu 24 tháng tù giam, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án nH được trừ đi 63 ngày đã tạm giữ tạm giam (30/11/2018 đến ngày 31/01/2019)

Bản án sơ thẩm còn tuyên xử phạt Ngô Đức Đ 18 tháng tù cho hưởng án treo, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 28/10/2019 các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo hoàn toàn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Với thủ đoạn giả danh nhân viên của Tập đoàn thương mại Vincom các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C và Ngô Đức Đ đã đưa ra các thông tin gian dối không đúng sự thật nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của gia đình anh Trần Hậu T ở xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và chị Chu Thị N ở xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, trong đó T và C hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh T và chị N với tổng số tiền là 53.450.000đ (năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng); Bị cáo Ngô Đức Đ đã chiếm đoạt của anh T số tiền 21.450.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình và đồng phạm là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình

trật tự trị an trên địa bàn nh các bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người dân để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C không cung cấp thêm được chứng cứ mới. Do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với hình phạt mỗi bị cáo 24 (Hai mươi tư) tháng tù đối với mỗi bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T và Bùi Thị C, mỗi bị cáo phải chịu 24 tháng tù giam, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án nh được trừ đi 63 ngày đã tạm giữ tạm giam (30/11/2018 đến ngày 31/01/2019)

2. Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA huyện K;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27 CA huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu